

CTCP Sara Việt Nam

Ngày 30/09/2024	3,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.7%	-5.0%	5.6%

DT thuần Q3/24
0.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.2 -98.8%
YoY: ▼18.5 -97.3%

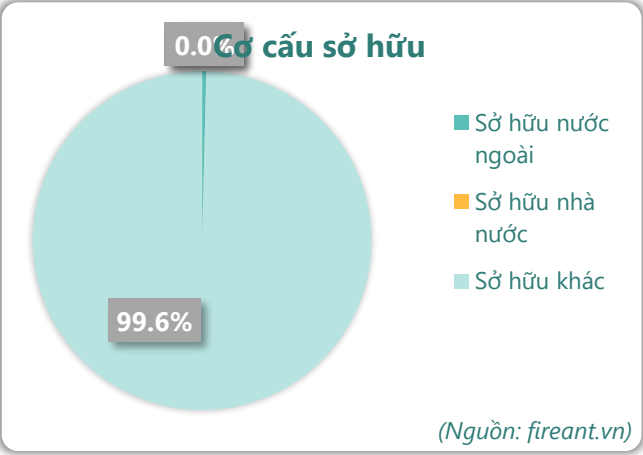
LN thuần Q3/24
11.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.80 -29.1%
YoY: ▲ 9.33 376%

LN sau thuế Q3/24
11.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.10 -30.1%
YoY: ▲ 9.43 398%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
2343%
YoY: +/-▲ 2304%

ROE (TTM) Q3/24
5.0%
YoY: +/-▲ 1.6%

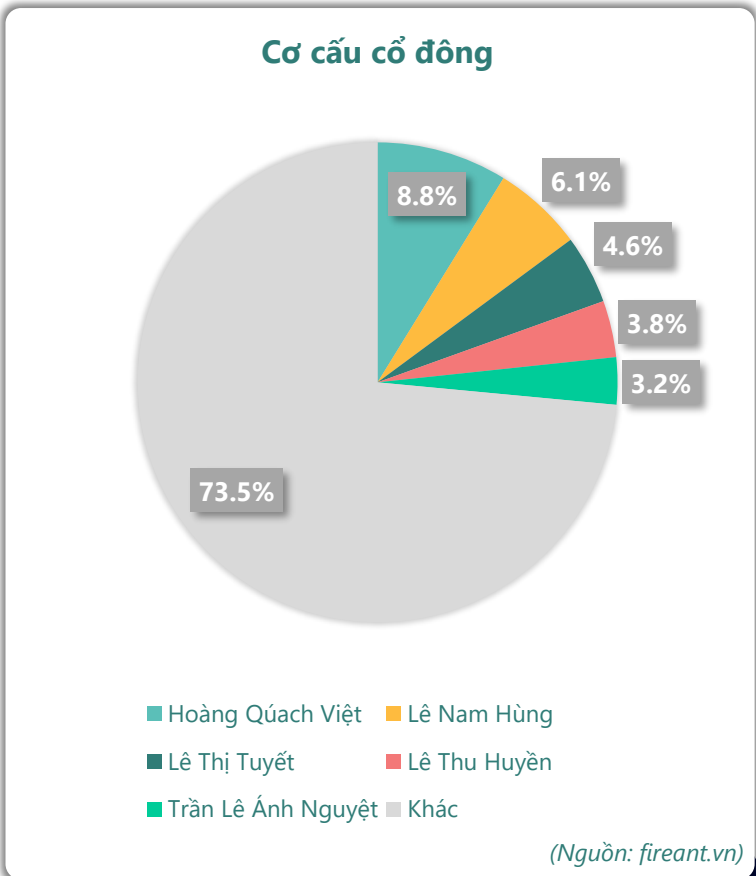
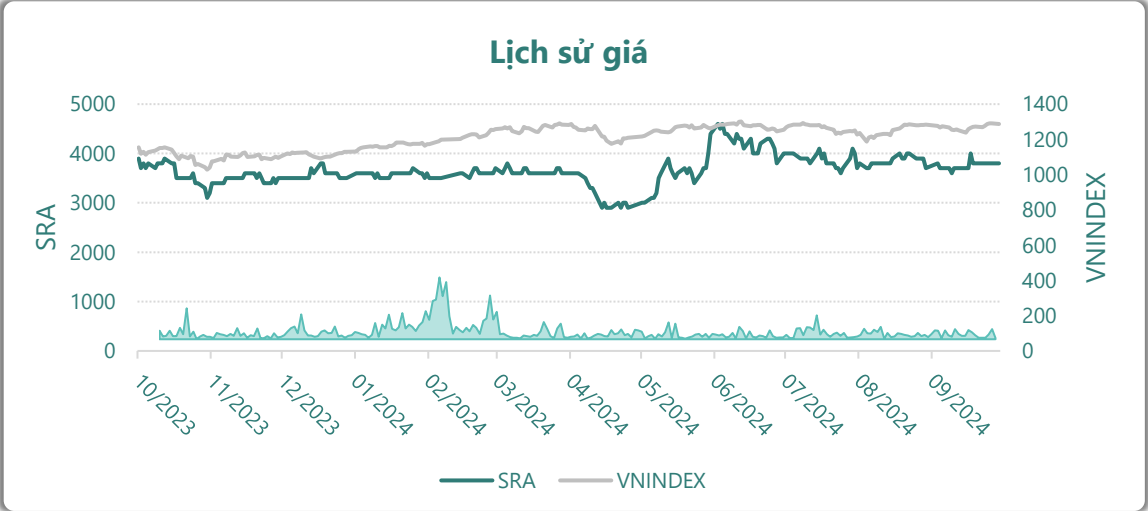
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 4,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	164
Số lượng CPLH (CP)	43,199,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	247,240
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.34
EPS	726
P/E	5.2



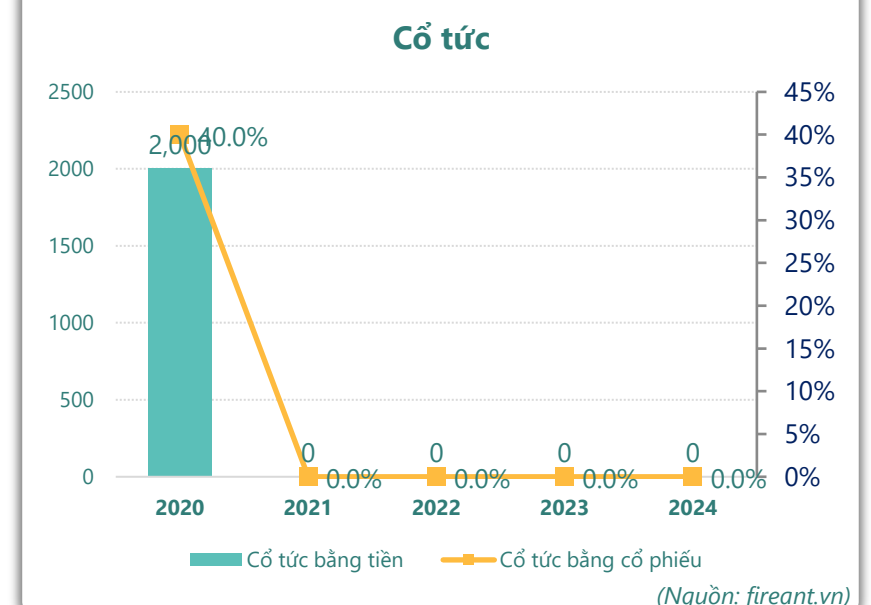
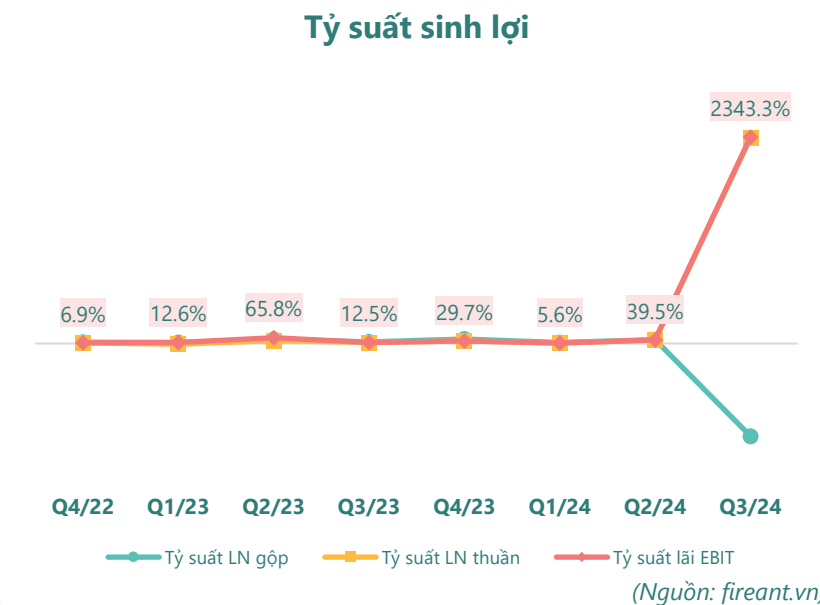
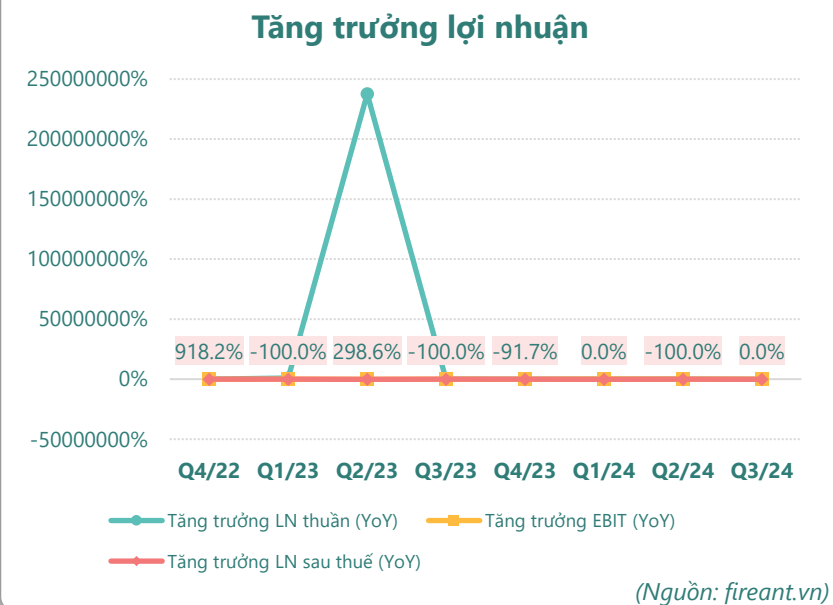
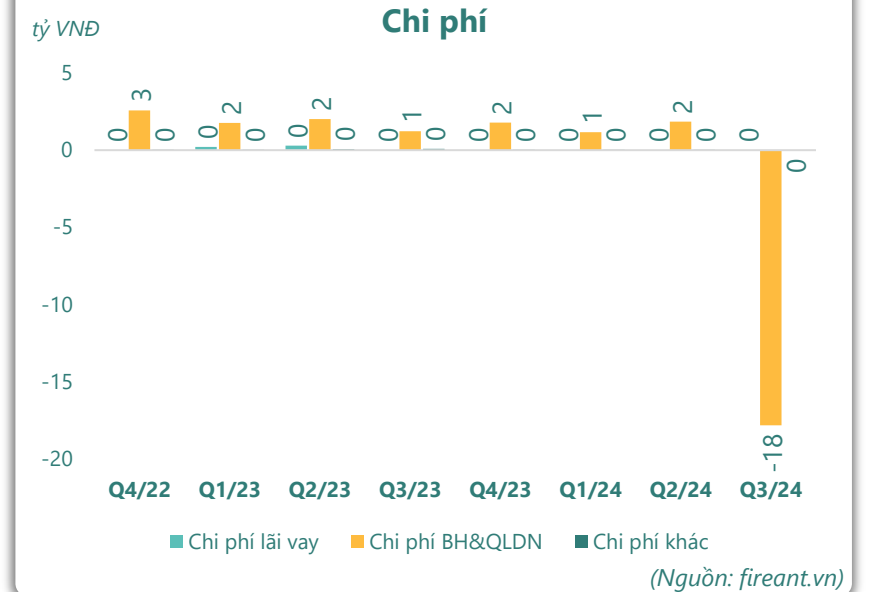
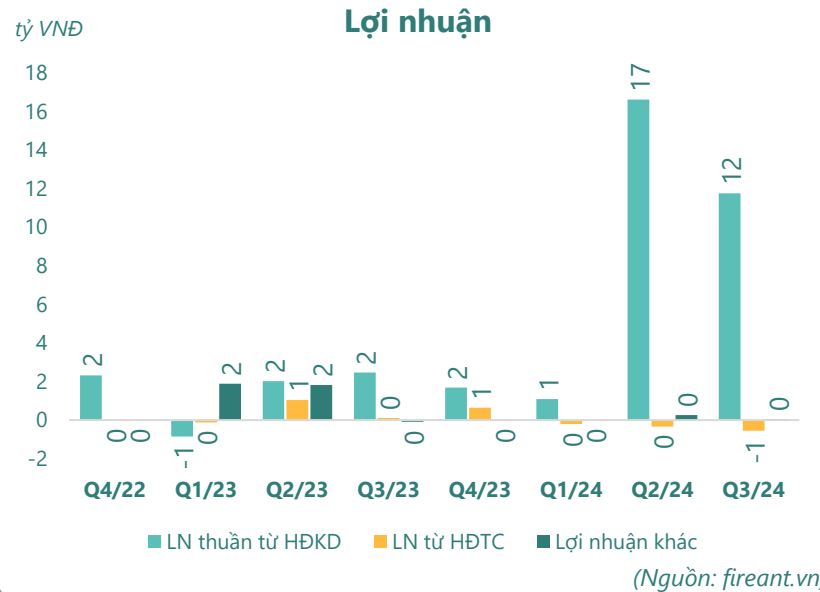
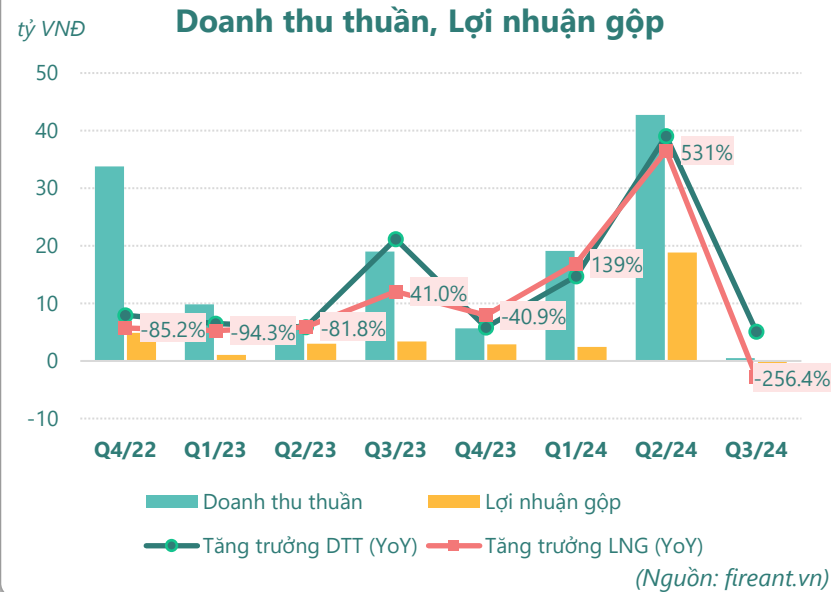
DT thuần 9T 2024
62.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.2 77.6%

LN thuần 9T 2024
29.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.9 712%

LN sau thuế 9T 2024
29.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.5 314%



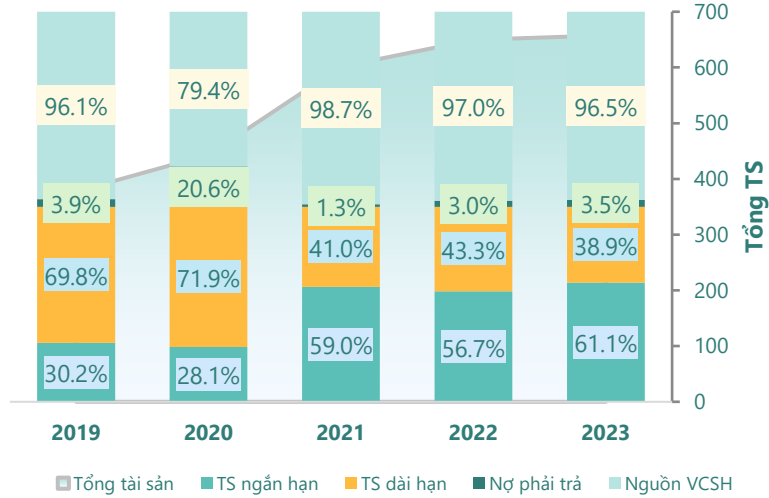
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

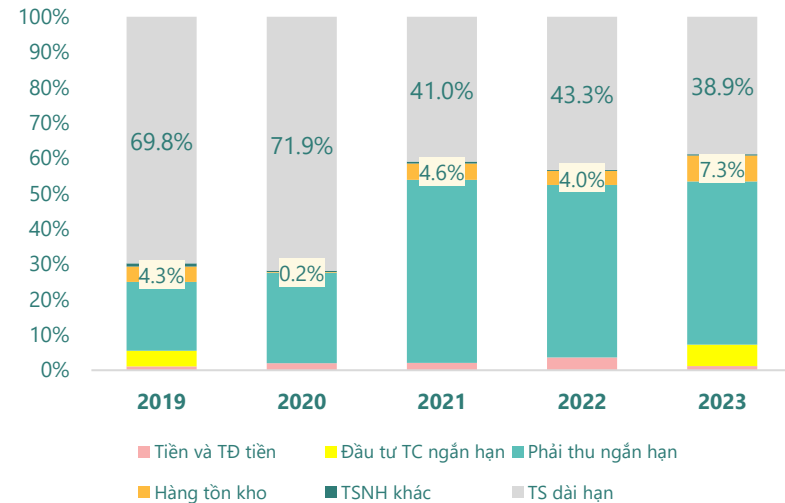
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

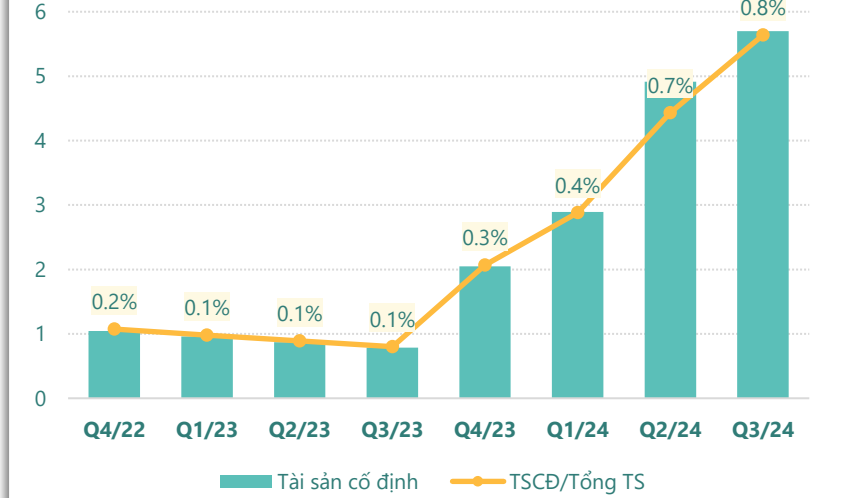
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

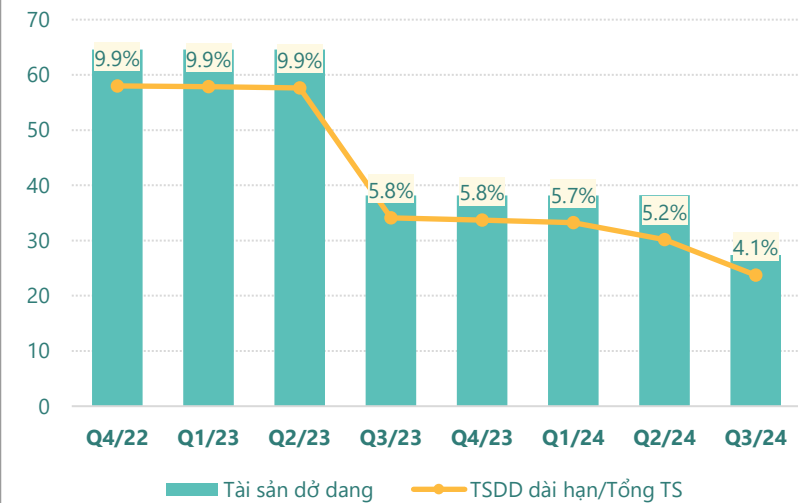
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

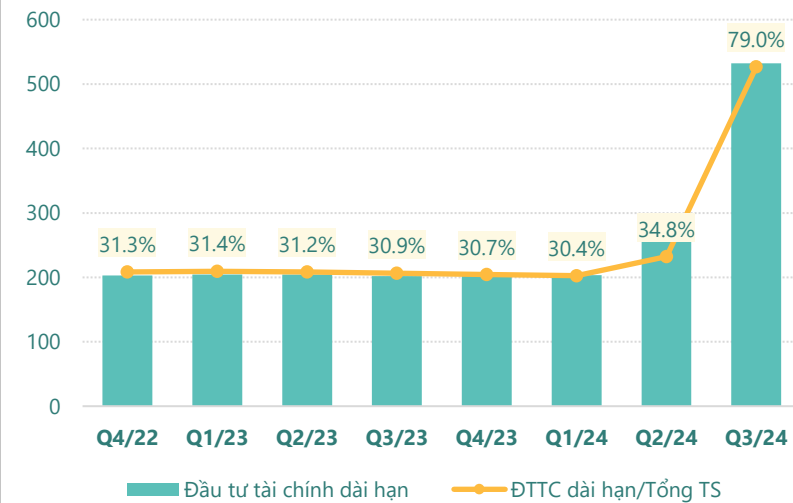
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

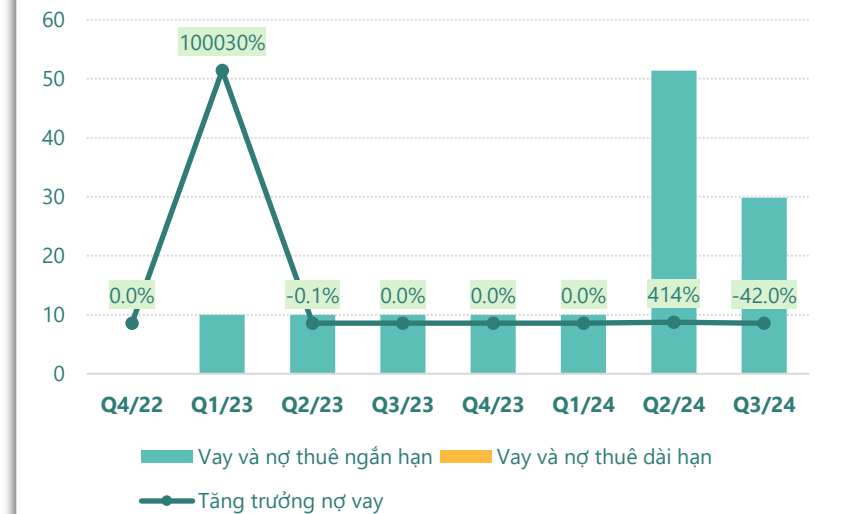
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

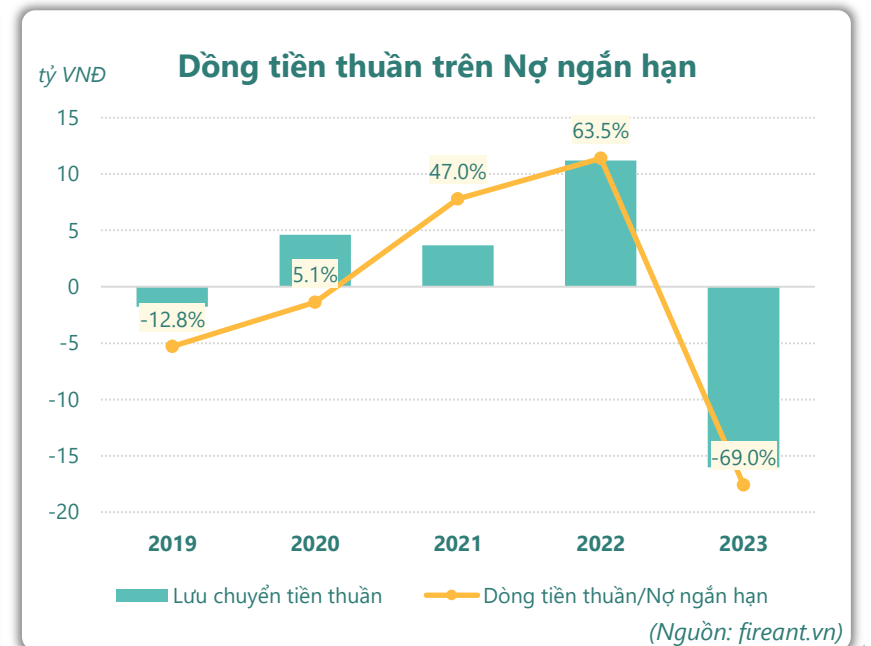
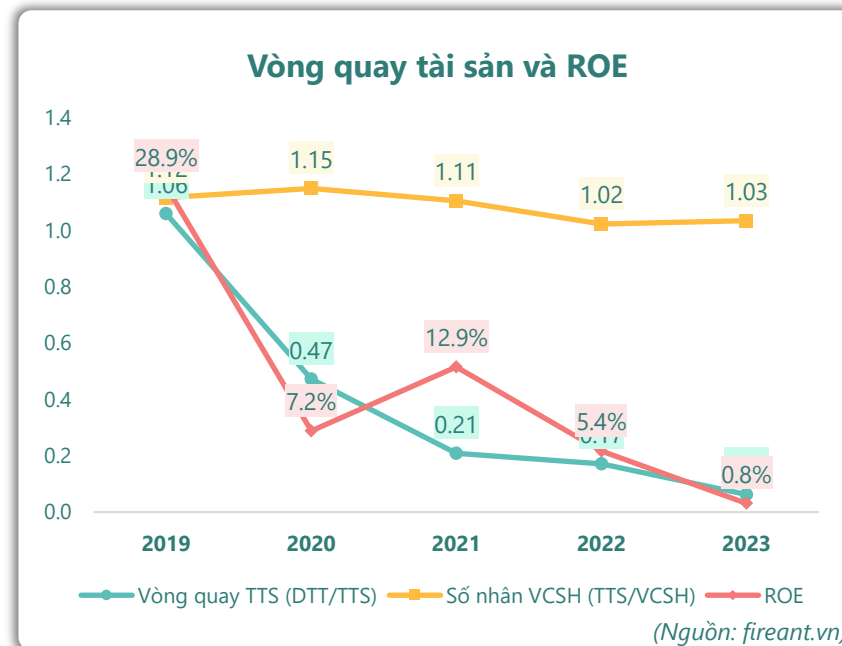
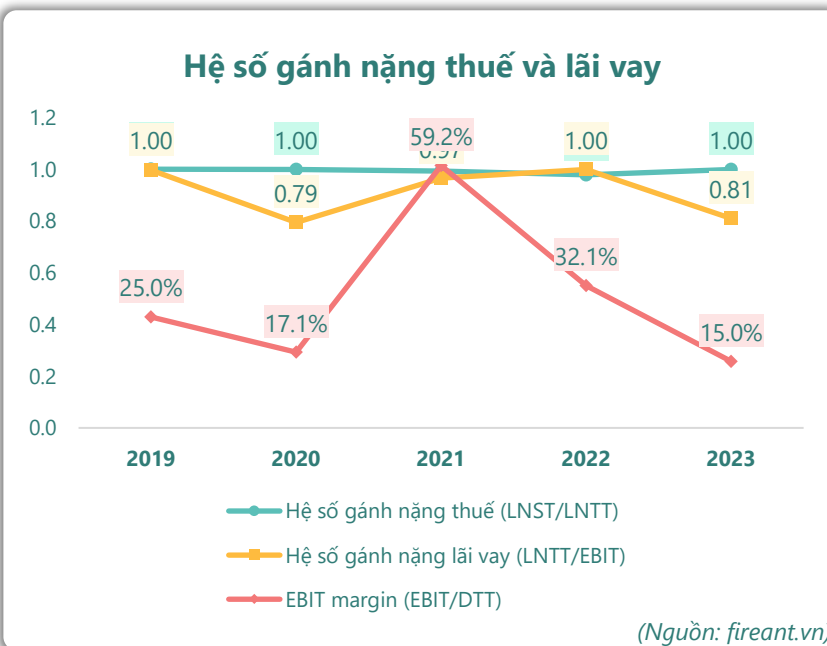
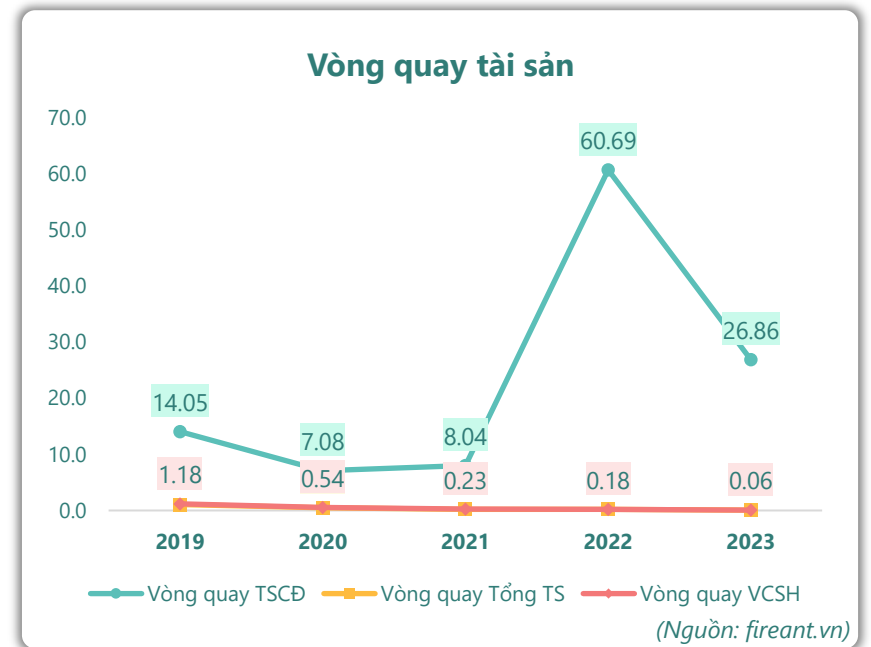
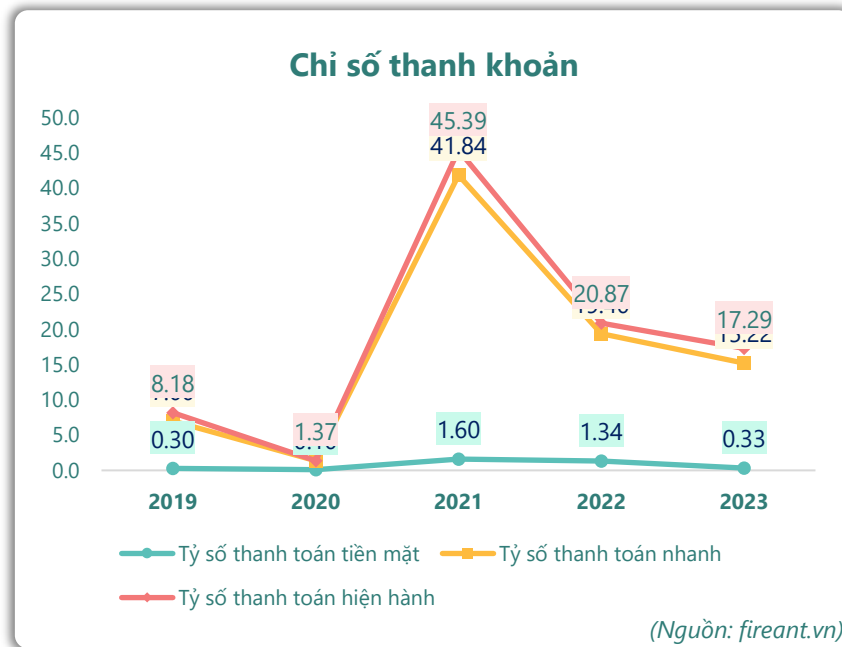
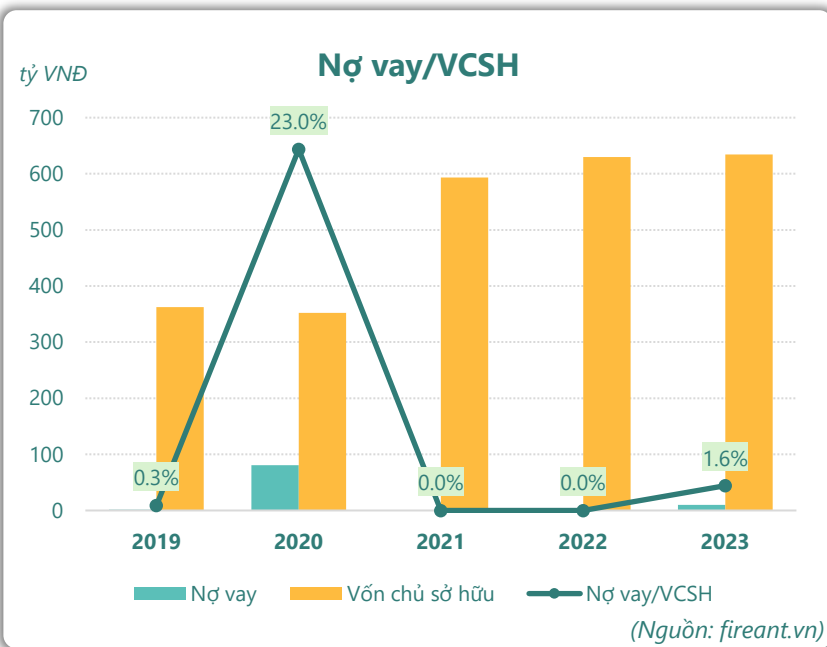
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.50	19.0	-97.3%	62.3	35.1	77.6%
Giá vốn hàng bán	5.80	15.6	-62.8%	46.3	27.7	67.4%
Lợi nhuận gộp	-5.29	3.39	-256%	16.0	7.40	116%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.38	-99.9%	0.09	1.79	-95.0%
Chi phí TC	0.56	0.27	106%	1.18	0.77	54.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.50	-100%
LN trong công ty LKLD	-0.23	0.21	-209%	-0.23	0.21	-210%
Chi phí bán hàng	0.18	0.21	-12.2%	0.45	0.70	-36.8%
Chi phí QLDN	-18.0	1.02	-1868%	-15.3	4.29	-456%
LN thuần từ HĐKD	11.8	2.47	376%	29.5	3.63	712%
Lợi nhuận khác	0.05	-0.09	150%	0.27	3.61	-92.5%
LN trước thuế	11.8	2.37	398%	29.8	7.24	311%
Lợi nhuận sau thuế	11.8	2.37	398%	29.7	7.19	314%
LNST của CĐ cty mẹ	11.8	2.12	457%	29.7	6.94	328%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.16	-121	-45.4	-37.9	25.9	295
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.50	41.0	71.7	40.0	-54.0	-274
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	59.9	-32.7	0	26.4	-21.6
Tiền đầu kỳ	37.2	36.6	14.1	7.70	9.82	8.12
Lưu chuyển tiền thuần	-0.66	-20.5	-6.35	2.12	-1.73	-1.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.6	14.1	7.70	9.82	8.12	6.22

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	674	658	2.5%
Tài sản ngắn hạn	107	402	-73.3%
Tiền và tương đương tiền	6.22	7.70	-19.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	40.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	64.0	303	-78.9%
Hàng tồn kho	35.0	48.3	-27.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.97	2.46	-20.1%
Tài sản dài hạn	567	256	122%
Phải thu dài hạn	0.12	10.1	-98.9%
Tài sản cố định	5.70	1.99	186%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.4	38.2	-28.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	532	204	161%
Tài sản dài hạn khác	1.20	1.25	-3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.8	23.2	149%
Nợ ngắn hạn	57.8	23.2	149%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.8	10.0	198%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.35	9.01	-7.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	616	634	-2.9%
Vốn chủ sở hữu	616	634	-2.9%
Vốn điều lệ	432	432	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

